

Bản án số: **21/2022/DS-PT**

Ngày 04-4-2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư
Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam-Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 3 và 04 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLPT- DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXPT-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông **Trần Thiết H**, sinh năm 1960 “có mặt”

2. Bà **Đào Thị M**, sinh năm 1963 “vắng mặt”

Bà **Đào Thị M** uỷ quyền tham gia tố tụng cho đồng nguyên đơn ông **Trần Thiết H**

Cùng nơi cư trú tại địa chỉ: khu phố P, thị trấn N, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn:

1. Bà **Đặng Thị T**, sinh năm 1975 ‘có mặt”

2. Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1971 “vắng mặt”

Cùng nơi cư trú tại địa chỉ: Ấp 11A, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước**

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Tuấn A** – Phó Chi Cục trưởng

2. Bà **Phạm Thị Mai H**, sinh năm 1960 “vắng mặt”

3. Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1971 “vắng mặt”

4. Ông **Phan H**, sinh năm 1963 “vắng mặt”

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư **Hoàng Minh Q** - Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Bình Phước “có mặt”

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông **Trần Thiết H** bà **Đào Thị M**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T là người phải thi hành án. Tuy nhiên, quá trình tổ chức thi hành án thì các bị đơn không tự nguyện thi hành án nên ngày 12 tháng 7 năm 2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện L tiến hành kê biên, xử lý tài sản của các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T để bán đấu giá đối với Thửa đất số 315¹-Tờ bản đồ số 00-Diện tích 240m² (thực tế Thửa đất số 315 có diện tích 388,3m²) có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Phan H, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Hữu L, phía Nam giáp đất ông Lê Bá T, phía Bắc giáp đường liên xã, tọa lạc tại ấp 11A, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00212 ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Trần Văn T bà Đặng Thị T (sau đây gọi tắt là Thửa đất số 315¹)

Theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 036/18/HĐMBTSBĐG ngày 07 tháng 12 năm 2018 có công chứng của Văn phòng công chứng Bình Phước giữa Đơn vị tổ chức bán đấu giá: Công ty Đấu giá hợp danh Sông Bé, Đơn vị có tài sản bán đấu giá: Chi Cục Thi hành án dân sự huyện L và cá nhân mua được tài sản bán đấu giá là ông Trần Thiết H thì nguyên đơn ông Trần Thiết H mua được tài sản bán đấu giá đối với Thửa đất số 315¹ nói trên và tài sản trên đất gồm 01 căn nhà loại 7 có diện tích 29,6m², 01 bể nước có thể tích 2,592m³, 01 sân lát gạch men diện tích 5,51m², sân bê tông có tổng diện tích 107,98m², 01 mái hiên tiền chế khung thép có diện tích 244,2m².

Do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L khi cưỡng chế, kê biên và bán đấu giá không tiến hành kiểm tra, đo đạc diện tích của Thửa đất 315¹ trên thực tế mà chỉ căn cứ vào diện tích đất được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng diện tích được ghi lại không phù hợp nên phát sinh phức tạp cần có sự thoả thuận của các bên giao tài sản bán đấu giá để thi hành án và bên mua được tài sản bán đấu giá mới thực hiện được. Tại Văn bản thoả thuận về việc giao nhận tài sản bán đấu giá ngày 22 tháng 01 năm 2019 có chữ ký, chữ viết của các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T (Bút lục 46,47) có nội dung: “Ông Tn, bà T (Bên giao tài sản bán đấu giá để thi hành án) đồng ý giao cho ông Trần Thiết H (Bên mua được tài sản bán đấu giá) toàn bộ những tài sản gắn liền với Thửa đất số 315¹, tờ bản đồ 00, tọa lạc tại địa chỉ: Ấp 11A, xã T,

huyện L, tỉnh Bình Phước đã được ghi nhận trong hợp đồng... Theo nội dung thoả thuận, hai bên đã thương lượng đồng ý giao, nhận tài sản bán đấu giá theo hiện trạng thực tế. Do đó, ông Trần Thiết H (Bên mua được tài sản bán đấu giá) đồng ý hỗ trợ cho ông T, bà T (Bên giao tài sản bán đấu giá để thi hành án) số tiền 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng). Để thực hiện Văn bản thoả thuận trên thì ngay sau đó cùng ngày 22/01/2019, các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T đã thực tế có nhận đủ số tiền 100 triệu đồng mà nguyên đơn ông Trần Thiết H hỗ trợ trên.

Sau khi được giao nhận tài sản bán đấu giá ở trên thì các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M đã tiến hành đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CP 444361, số vào sổ cấp GCN: CS 00736 ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước, thành Thửa đất số 2517-Tờ bản đồ số TĐ 29-2019-Diện tích 366,0m².

Các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M cho rằng họ đã mua trúng đấu giá là nguyên toàn bộ Thửa đất 315¹ với tổng diện tích là 469,2m², các nguyên đơn đã được cấp GCNQSDĐ 366m², còn lại phần đất có diện tích 103,2m² nằm trong Thửa đất số 315¹ nói trên là tài sản mà các nguyên đơn đã mua trúng đấu giá nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T trả lại cho các nguyên đơn phần đất có diện tích 103,2m², đồng thời yêu cầu các bị đơn trả lại tài sản gắn liền với đất gồm 06 tấm đan bê tông xi măng, mỗi tấm có kích thước rộng 01m-dài 1,3m-dày 10cm. Ngoài ra, các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M không có yêu cầu khởi kiện nào khác.

Tuy nhiên, các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T thừa nhận có nhận số tiền 100 triệu đồng của các nguyên đơn vào ngày 22 tháng 01 năm 2019 nhưng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn trên với lý do diện tích của Thửa đất 315¹ và Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá tài sản trên chỉ ghi diện tích của Thửa đất 315¹ là 240m² nên các nguyên đơn chỉ được nhận 240m², còn diện tích còn lại của Thửa đất 315¹ là của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Mai H nhưng cho các bị đơn mượn sử dụng. Việc thoả thuận giữa các bị đơn Tại Văn bản thoả thuận về việc giao nhận tài sản bán đấu giá ngày 22 tháng 01 năm 2019 là do các bị đơn tự quyết định mà không có ý kiến của bà Phạm Thị Mai H nên các bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu huỷ thoả thuận ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa bà Đặng Thị T ông Trần Văn T và ông Trần Thiết H và yêu cầu huỷ Quyết định số 02 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện L về việc giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M yêu cầu các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T trả lại phần đất có diện tích 103m² và trả 06 tấm đan bê tông xi măng, mỗi tấm có kích thước rộng 01m- dài 1,3m-dày 10cm.

2. Không chấp nhận đối với yêu cầu phản tố của các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T yêu cầu huỷ thoả thuận ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa bà Đặng Thị T ông Trần Văn T và ông Trần Thiết H và yêu cầu huỷ Quyết định số 02 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện L về việc giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện L trong quá trình giải quyết vụ án bị huỷ bỏ.

Ngoài ra, còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/3/2021, các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm theo hướng buộc các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T trả lại phần đất có diện tích 103m² và trả 06 tấm đan bê tông xi măng, mỗi tấm có kích thước rộng 01m-dài 1,3m-dày 10cm. Tại phiên toà phúc thẩm, các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, thay đổi một phần kháng cáo chỉ yêu cầu bà Đặng Thị T ông Trần Văn T trả lại phần đất có diện tích 22,3m² do đã thừa nhận thực tế Thừa đất số 315¹ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00212 ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Trần Văn T bà Đặng Thị T chỉ có diện tích 388,3m² chứ không phải là 469,2m² và rút một phần kháng cáo về không yêu cầu các bị đơn trả 06 tấm đan bê tông xi măng, mỗi tấm có kích thước rộng 01m-dài 1,3m-dày 10cm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, buộc các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T phải trả lại cho các nguyên đơn 02 phần đất có diện tích 10,9m² và 11,4m², tổng diện tích 22,3m² trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Vụ án này do có kháng cáo của nguyên đơn theo thủ tục phúc thẩm thuộc thẩm quyền giải quyết phúc thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước theo Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tại phiên toà phúc thẩm, các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc không kháng cáo phần yêu cầu buộc

các bị đơn trả 06 tấm đan bê tông xi măng, mỗi tấm có kích thước rộng 01m-dài 1,3m-dày 10cm. Xét thấy việc rút một phần kháng cáo này của các nguyên đơn là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Cũng tại phiên toà phúc thẩm, các nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, thay đổi một phần kháng cáo, chỉ khởi kiện và kháng cáo yêu cầu các bị đơn trả 02 phần đất có diện tích $10,9m^2$ và $11,4m^2$ với tổng diện tích là $22,3m^2$ nằm trong phần đất có diện tích $103m^2$ chứ không phải yêu cầu các bị đơn trả toàn bộ phần đất có diện tích $103m^2$ như khởi kiện tại Toà án cấp sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo, thấy rằng:

[2.1] Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 10 ngày 11 tháng 6 năm 2018, ngày 12 tháng 7 năm 2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện L tiến hành kê biên, xử lý tài sản của các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T đối với Thửa đất số 315¹-Tờ bản đồ số 00-Diện tích $240m^2$ (thực tế là $388,3m^2$) có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Phan H, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Hữu L, phía Nam giáp đất ông Lê Bá T, phía Bắc giáp đường liên xã, toạ lạc tại ấp 11A, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00212 ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Trần Văn T bà Đặng Thị T (sau đây gọi tắt là Thửa đất số 315¹)

[2.2] Căn cứ Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 036/18/HĐMBTSBĐG ngày 07 tháng 12 năm 2018 có công chứng của Văn phòng công chứng Bình Phước giữa Đơn vị tổ chức bán đấu giá: Công ty Đấu giá hợp danh Sông Bé, Đơn vị có tài sản bán đấu giá: Chi Cục Thi hành án dân sự huyện L và cá nhân mua được tài sản bán đấu giá là ông Trần Thiết H thì nguyên đơn ông Trần Thiết H mua được tài sản bán đấu giá đối với Thửa đất số 315¹ nói trên và tài sản trên đất gồm 01 căn nhà loại 7 có diện tích $29,6m^2$, 01 bể nước có thể tích $2,592m^3$, 01 sân lát gạch men diện tích $5,51m^2$, sân bê tông có tổng diện tích $107,98m^2$, 01 mái hiên tiền chế khung thép có diện tích $244,2m^2$.

[2.3] Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện L bị đơn bà Đặng Thị T đã thừa nhận các tài sản theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 036/18/HĐMBTSBĐG ngày 07 tháng 12 năm 2018 có cả phần diện tích đất tranh chấp hiện nay. Lời thừa nhận của bị đơn bà Đặng Thị Thuỷ phù hợp với Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L có các tứ cận giáp ranh, phù hợp với cạnh phía Bắc của Thửa đất 315¹ giáp đường liên xã là 11m, cạnh phía Nam của Thửa đất 315¹ giáp Thửa đất 316 là 08m ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00212 cấp ngày 14 tháng 9 năm 2007 cho bà Đặng Thị T và ông Trần Văn T và phù hợp Văn bản thoả thuận về việc giao nhận tài sản bán đấu giá ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa bị đơn và nguyên đơn.

[2.4] Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn bà Đặng Thị T cũng thừa nhận 02 phần đất tranh chấp có diện tích $10,9m^2$ và $11,4m^2$, tổng diện tích là $22,3m^2$ đều nằm trong Thửa đất số 315¹ là phù hợp với bản “Đo đạc chỉnh lý thửa đất Bản

đồ địa chính số 37-2020” ngày 13 tháng 3 năm 2020, Sơ đồ xác định diện tích đất theo Văn bản số 339/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Văn bản số 33/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 đều của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

[2.5] Như vậy, có đầy đủ cơ sở xác định 02 phần đất $10,9m^2$ và $11,4m^2$, tổng diện tích $22,3m^2$ nằm trong diện tích $388,3m^2$ thực tế của Thửa đất số 315¹ nói trên là tài sản mà nguyên đơn ông Trần Thiết H là người mua được tài sản bán đấu giá nguyên Thửa đất 315¹ trên nên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của các nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M, buộc các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T trả lại cho các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M 02 phần đất có diện tích $10,9m^2$ và $11,4m^2$, tổng diện tích $22,3m^2$ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc các bị đơn bà Đặng Thị Thuỷ ông Trần Văn T phải trả lại cho các nguyên đơn 02 phần đất có diện tích $10,9m^2$ và $11,4m^2$ với tổng diện tích là $22,3m^2$ trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và khởi kiện của các nguyên đơn là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[5.1] Về án phí:

[5.1.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T cũng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5.1.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M được chấp nhận nên họ không phải chịu và được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5.2] Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.500.000 đồng các nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp tạm ứng 1.500.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước về tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Căn cứ vào các điều 163, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013,

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M, buộc các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T phải trả lại cho các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M 02 phần đất có diện tích 10,9m² và 11,4m², tổng diện tích là 22,3m², tọa lạc tại ấp 11A, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước theo bản “Đo đạc chỉnh lý thửa đất Bản đồ địa chính số 37-2020” ngày 13 tháng 3 năm 2020, Sơ đồ xác định diện tích đất theo Văn bản số 339/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Văn bản số 33/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 đều của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

3. Căn cứ vào Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo của các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M về việc yêu cầu buộc các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T phải trả lại 06 tấm đan bê tông xi măng, mỗi tấm có kích thước rộng 01m-dài 1,3m-dày 10cm. Quyết định về vấn đề rút kháng cáo này của Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L có hiệu lực pháp luật.

4. Huỷ bỏ Quyết định áp dụng áp dụng biện pháp khẩn tạm thời số 01/2019/QĐ- BPKCTT ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp đảm bảo số 01/2019/QĐ- BPBĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L. Nguyên đơn ông Trần Thiết H được nhận lại khoản tiền 50 triệu đồng đã thực hiện biện pháp bảo đảm trên.

5. Về án phí và chi phí tố tụng: Căn cứ các điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M phải nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng mà các nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000398 ngày 07/8/2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện L. Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện L trả lại cho các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M 950.000 đồng. Các bị đơn bà Đặng Thị T ông Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng mà các bị đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000474 ngày 30/8/2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện L.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M không phải nộp và được trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 019597 ngày 22/3/2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện L.

- Về chi phí tố tụng đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền là 1.500.000 đồng các nguyên đơn ông Trần Thiết H bà Đào Thị M tự nguyện nộp toàn bộ và đã thực hiện xong.

6. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao;
- Lưu HS, TDS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân